

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13/11/2019

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Hạnh**

Ông **Vũ Trung Thành**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Đào Thị Quỳnh Nga** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông **Tạ Văn Phú** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 về việc “*Ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019** giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Số 30, đội 2, ấp 4, xã T, huyện Đ, tỉnh B.

*Bị đơn: **Cao Quang T1**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 30, đội 2, ấp 4, , xã T, huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Cao Quang T1 chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã T), huyện Đ tỉnh B vào năm 2001. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh T1 không quan tâm đến gia đình và không chung T nên dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau. Chị T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T1 không thay đổi. Từ ngày 15/9/2019 cho đến nay, chị T cùng hai con chuyển ra ngoài sống. Nay, chị T xác định tình cảm giữa chị và anh T1 đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T1.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Có 02 con chung tên Cao Thị Th, sinh

ngày 11/5/2002 và Cao Quang N, sinh ngày 28/8/2005. Khi ly hôn, chị T có yêu cầu được nuôi hai con chung cho đến khi trưởng thành và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi hai con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi theo như ý kiến của anh T1 đưa ra tại phiên hòa giải trước đây.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải, bị đơn anh Cao Quang T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Quang T1 và chị Nguyễn Thị T chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã T), huyện Đ, tỉnh B vào năm 2001. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm, chị T nghi ngờ anh T1 có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác nên dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Anh T1 thừa nhận do nóng nảy nên anh T1 có đánh chị T. Từ ngày 15/9/2019 cho đến nay, chị T cùng 02 con chuyển ra ngoài sống. Anh T1 xác định tình cảm giành cho chị T vẫn còn nên trước yêu cầu ly hôn của chị T thì anh T1 không đồng ý ly hôn.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Có 02 con chung tên Cao Thị Th, sinh ngày 11/5/ 2002 và Cao Quang N, sinh ngày 28/8/2005. Trường hợp ly hôn, anh T1 đồng ý giao hai con chung cho chị T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và anh T1 đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T1 vắng mặt không có lý do

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Cao Quang T1;

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 cháu Cao Thị Th, sinh năm 2002 và Cao Quang N, sinh năm 2005 cho chị T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Ghi nhận sự nguyện của anh T1 về việc anh T1 cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi

Về tài sản chung và các vấn đề khác không xem xét do không có yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con với anh Cao Quang T1, các vấn đề khác không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là anh Cao Quang T1 cư trú tại đội 2, ấp 4, xã T, huyện Đ, tỉnh B, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn, bị đơn hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, do vậy cần áp dụng Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn Cao Quang T1 là phù hợp.

-Yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh Cao Quang T1 chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Tâm (nay là xã Đồng Tiến), huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước vào năm 2001. Xét thấy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự cảm thông chia sẻ những khó khăn xảy ra trong cuộc sống gia đình, không tin tưởng nhau về tình cảm. Cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, cãi nhau, làm cho cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Chị T và anh T1 không tìm cách giải quyết được những mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống hôn nhân nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một rạn nứt, từ chỗ ly thân dần đến ly hôn. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã giải thích, tạo điều kiện để chị T và anh T1 có thời gian suy nghĩ và hàn gắn tình cảm; anh T1 có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình nhưng anh T1 cũng không có biện pháp cải thiện mối quan hệ vợ chồng giữa hai người. Tại phiên tòa, chị T vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh T1. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T xin được ly hôn với anh Cao Quang T1 là có cơ sở được chấp nhận. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Cao Quang T1 là phù hợp.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị T có yêu cầu được nuôi 02 con chung là Cao Thị Th, sinh ngày 11/5/ 2002 và Cao Quang N, sinh ngày 28/8/2005 và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên hòa giải chị T và anh T1 thống nhất thỏa thuận là giao cho chị T được trực tiếp nuôi con, còn anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi (BL 30). Đây là sự tự thỏa thuận của các bên không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Tuyên xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Cao Quang T1.

2. *Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:* Giao cháu Cao Thị Th, sinh ngày 11/5/ 2002 và Cao Quang N, sinh ngày 28/8/2005 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng. Anh Cao Quang T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 2.000.000 đồng/02 con cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung và các vấn đề khác:* Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm* là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị T phải nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011131 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Cao Quang T1 phải nộp.

Báo cho chị T biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VK SND huyện Đồng Phú;
- THA huyện Đồng Phú;
- UBND xã Thuận Phú (Cqđkh);
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương

